

GIÁO DỤC CÔNG DÂN SỐ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TỈNH NGHỆ AN TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Đào Thị Trà Giang - Nguyễn Thị Thuýn -
Nguyễn Khánh Huyền - Nguyễn Nhật Minh - Mai Trần Khánh Linh
Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh
Email: kiennt@vinhuni.edu.vn.

Tóm tắt: Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, năng lực số trở thành yếu tố thiết yếu đối với cuộc sống và việc học tập của học sinh. Năng lực số không chỉ cải thiện khả năng học tập qua việc sử dụng công cụ trực tuyến và tài nguyên số mà còn thúc đẩy sự sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề bằng cách cung cấp các phương pháp và giải pháp đa dạng, từ đó nâng cao khả năng học tập liên tục và duy trì sự phù hợp với các xu hướng công nghệ hiện đại. Bài viết nhằm đánh giá thực trạng năng lực số và đề xuất một số biện pháp giáo dục năng lực số cho học sinh tiểu học, đảm bảo học sinh được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để thành công trong xã hội số ngày càng phát triển và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.
Từ khóa: Năng lực số, giáo dục năng lực số, học sinh tiểu học, đổi mới giáo dục phổ thông.
Nhận bài: 12/01/2026; **Biên tập:** 13/01/2026; **Phản biện:** 19/01/2026; **Duyệt đăng:** 26/01/2026.

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại ngày nay, khi công nghệ số đã, đang và sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống thì kiến thức về tin học và kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính, thiết bị số và những phần mềm cơ bản cũng là một yêu cầu không thể thiếu đối với mọi công dân. Do đó, việc giáo dục thế hệ trẻ cần hướng đến hình thành và phát triển các năng lực trong môi trường số đa dạng và nhiều phức tạp như hiện nay. Năng lực số (NLS) đóng vai trò quan trọng giúp người học thành công trong quá trình học tập, đồng thời giúp họ có thể làm việc và phát triển trong môi trường giáo dục mở và mang tính toàn cầu như hiện nay, là yếu tố hàng đầu cần phải có để sẵn sàng cho học tập số [1]. Báo cáo về tám năng lực (NL) cốt lõi cho học tập suốt đời của Ủy ban Châu Âu [2] đã xác định: NLS là một NL cơ bản, xuyên suốt cho phép người học đạt được các NL chính khác, nó liên quan đến nhiều kỹ năng cần thiết trong thế kỷ 21 mà mọi công dân cần phải có được, từ đó đảm bảo sự tham gia tích cực của họ vào các hoạt động kinh tế - xã hội.

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) tổng thể [3] và chương trình GDPT môn Tin học [4] định hướng 5 phẩm chất và 10 năng lực (NL) trong đó có NL tin học được mô tả chi tiết cho học sinh (HS) các cấp và qua đối sánh với các khung NLS hiện hành thì NL tin học có mối quan hệ chặt chẽ với NLS. Do vậy, công tác giáo dục ở nhà trường cần chú trọng giáo dục NLS cho HS phổ thông nói chung và học sinh tiểu học (HSTH) nói riêng. Bài viết trình bày những khái niệm cơ bản về NLS và giáo dục công dân số (CDS) cho HSTH, trên cơ sở đó đánh giá thực trạng NLS trên địa bàn tỉnh Nghệ An và đề xuất một số biện pháp giáo dục CDS cho HSTH trong bối cảnh đổi mới GDPT hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm năng lực số và giáo dục công dân số

2.1.1. Năng lực số

Ferrari và cộng sự [5] cho rằng NLS là tập hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, chiến lược và nhận thức cần thiết khi sử dụng công nghệ số để cộng tác, tạo lập, chia sẻ nội dung và hình thành tri thức một cách hiệu quả, sáng tạo và có đạo đức trong học tập, làm việc và tham gia xã hội. Ala-Mutka [6] nhấn mạnh NLS bao gồm hiểu biết về thông tin, phương tiện truyền thông, Internet và công nghệ thông tin - truyền thông, tức là cả kiến thức và kỹ năng sử dụng phần cứng, phần mềm.

Ủy ban và Nghị viện Châu Âu cũng xác định NLS là khả năng sử dụng công nghệ số một cách tự tin và có tư duy phản biện phục vụ học tập, công việc và giao tiếp. NLS bao gồm các kỹ năng cơ bản như tìm kiếm, đánh giá, lưu trữ, tạo lập, trình bày và trao đổi thông tin, cũng như tham gia các mạng lưới hợp tác trực tuyến.

Mặc dù có những cách tiếp cận khác nhau, các quan niệm đều thống nhất rằng NLS không chỉ là kỹ năng kỹ thuật mà còn bao hàm năng lực nhận thức, giao tiếp và trách nhiệm trong môi trường số. Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm, có thể hiểu NLS là khả năng sử dụng thành thạo công nghệ số; tìm kiếm, khai thác và đánh giá thông tin hiệu quả; giao tiếp và hợp tác trực tuyến; đồng thời thể hiện thái độ tích cực, trách nhiệm và bảo đảm an toàn trong môi trường số.

2.1.2. Giáo dục công dân số

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, môi trường số đã trở thành không gian quan trọng cho học tập, làm việc và giao tiếp. Điều này đặt ra yêu cầu giáo dục phải trang bị cho người học những kỹ năng tham gia môi trường số một cách an toàn, hiệu

quả và có trách nhiệm. Vì vậy, giáo dục CDS ngày càng được xem là nội dung thiết yếu của giáo dục hiện đại, gắn với mục tiêu phát triển con người toàn diện.

Theo Ribble, giáo dục CDS là quá trình giúp người học nhận thức và thực hành các chuẩn mực hành vi, đạo đức và pháp luật khi sử dụng công nghệ số. Ông đề xuất chín yếu tố cốt lõi của CDS, gồm: tiếp cận số, giao tiếp số, hiểu biết số, đạo đức số, pháp luật số, quyền và trách nhiệm số, an toàn số, sức khỏe số và thương mại số. Đây là khung lý thuyết quan trọng cho việc thiết kế và tổ chức giáo dục CDS trong nhà trường.

Ủy ban Châu Âu cũng coi giáo dục CDS là thành tố quan trọng trong phát triển năng lực số. Không chỉ dừng ở kỹ năng sử dụng công cụ kỹ thuật số, giáo dục CDS còn hướng tới hình thành năng lực tham gia cộng đồng số một cách tích cực, biết giao tiếp, hợp tác, chia sẻ thông tin có trách nhiệm, đồng thời nhận diện và xử lý các rủi ro như tin giả, xâm phạm quyền riêng tư hay bạo lực mạng.

Tổng hợp các quan điểm trên, có thể hiểu giáo dục CDS là quá trình có mục tiêu và hệ thống nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị cần thiết để sử dụng công nghệ số an toàn, hiệu quả, có đạo đức và trách nhiệm, đồng thời góp phần xây dựng cộng đồng số văn minh.

2.2. Thực trạng mức độ năng lực số của HSTH trên địa bàn tỉnh Nghệ An

2.2.1. Thiết kế bộ công cụ đánh giá NLS cho HSTH

Để khảo sát mức độ NLS của HSTH, chúng tôi dựa trên khung NLS do Lê Anh Vinh và cộng sự xây dựng [14], từ đó thiết kế bộ công cụ đánh giá gồm 40 câu hỏi thuộc 6 thành tố NLS, áp dụng cho hai đối tượng khảo sát là GV và HS.

Quy trình thiết kế gồm hai bước chính.

Thứ nhất, nhóm nghiên cứu phân tích chương trình môn Tin học và khung NLS dành cho HSTH, bao gồm các miền, thành phần và mô tả chi tiết từng thành tố năng lực.

Thứ hai, dựa trên yêu cầu cần đạt của năng lực tin học và các biểu hiện NLS, nhóm xây dựng hệ thống câu hỏi tương ứng. Bộ câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 4 mức độ nhằm đánh giá mức độ biểu hiện của từng thành tố, bảo đảm tính phù hợp và khả năng đo lường thực tiễn, mức độ với quy ước như Bảng 1. Ví dụ về câu hỏi cho NL “Tạo lập nội dung số” ở bảng 2.

Bảng 1: Các mức độ đánh giá năng lực số

Điểm TB	Mức độ thực hiện
3,25 ≤ TB ≤ 4	Thực hiện rất tốt, rất thành thạo (Mức 4)
2,5 ≤ TB < 3,25	Thực hiện tốt, khá thành thạo (Mức 3)
1,75 ≤ TB < 2,5	Thực hiện được nhưng chưa thành thạo (Mức 2)
1 ≤ TB < 1,75	Chưa thực hiện được. (Mức 1)

Bảng 2: Câu hỏi cho năng lực tạo lập nội dung số

STT	Câu hỏi	Mức độ thực hiện			
		Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Câu 4.1	Em sử dụng được một số công cụ số để chỉnh sửa tranh, ảnh: Paint, CorelDraw, AI ... (hoặc tương tự)				
Câu 4.2	Em sử dụng được một số công cụ số để chỉnh sửa nhạc, video: Windows Movie Maker, Capcut, AI... (hoặc tương tự)				
Câu 4.3	Em biết kết hợp âm thanh, hình ảnh, video vào nội dung bài văn bản Word, bài trình chiếu Powpoint				
Câu 4.4	Em biết sử dụng công cụ web: Canvas, Google Docs, Google Sheet,... để soạn thảo, chỉnh sửa nội dung văn bản, bài trình chiếu trực tuyến				
Câu 4.5	Em biết chia sẻ văn bản, audio, video lên trang web, mạng xã hội: Youtube, Facebook, ... (hoặc tương tự)				
Câu 4.6	Em không xóa, chỉnh sửa, sao chép các dữ liệu, thông tin, sản phẩm của người khác khi chưa được sự đồng ý.				
Câu 4.7	Em biết cách giữ bản quyền sản phẩm của cá nhân mình tạo ra, không để người khác sao chép, chỉnh sửa khi em chưa đồng ý.				
Câu 4.8	Em sử dụng được ngôn ngữ lập trình ví dụ như Scratch để thiết kế trò chơi hoặc thực hiện một nhiệm vụ đơn giản				

Bước 3: Thử nghiệm bộ công cụ đánh giá

Sau khi thiết kế bộ công cụ đánh giá, nhóm tác giả thử nghiệm độ tin cậy của bộ công cụ với 80 HSTH tại trường tiểu học Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Nghệ An. Thông tin thu thập sau thử nghiệm được phân tích trên phần mềm SPSS và sau một vài lần điều chỉnh cho kết quả độ tin cậy Cronbach’s alpha $\alpha = 0,74$ là hợp lệ và đáng tin cậy, đồng thời hệ số Cronbach’s alpha trong từng thành phần NL đều lớn hơn 0,6 được xem là đạt yêu cầu theo công thức tính của Nunnally [15].

2.2.2. Đánh giá thực trạng năng lực số của HSTH trên địa bàn tỉnh Nghệ An

a. Mục tiêu điều tra

Điều tra khảo sát nhằm mục đích tìm hiểu mức độ NLS ở HS cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Kết quả này là cơ sở để định hướng nghiên cứu và đề xuất các biện pháp phát triển NLS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục NLS cho HS ở trường tiểu học.

b. Tiến trình điều tra:

- Chọn mẫu: Đề tài chọn mẫu phân tầng theo khu vực: khu vực miền núi (Quế Phong, Kỳ Sơn);

khu vực đồng bằng (Diễn Châu, Đô Lương); Khu vực thành thị (Thành phố Vinh). Với mỗi trường tiểu học, nhóm nghiên cứu chọn mẫu theo hệ thống. Số lượng mẫu được xác định là 550 HSTH theo công thức tính mẫu của Hair và cộng sự.

- Gửi phiếu đánh giá NLS cho HS và GV tiểu học.
- Kết quả khảo sát thu được xử lý bằng phần mềm SPSS.

c. Kết quả điều tra

Sau khi thu thập phiếu khảo sát và xử lý, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 3. Mức độ phát triển NLS của HS theo đánh giá của GV

TT	Thành tố NLS	Mức độ (%)				TBC	Thứ bậc
		4	3	2	1		
1	Vận hành thiết bị kỹ thuật số và công cụ số	20	20	43,3	16,7	2,4	1
2	Tìm kiếm, xử lý và lưu trữ thông tin và dữ liệu số	10	23,3	56,7	10	2,3	2
3	Giao tiếp và hợp tác số	16,7	20	23,3	40	2,1	3
4	Sáng tạo sản phẩm số	13,3	23,3	60	3,3	1,7	6
5	An toàn kỹ thuật số	3,3	10	46,7	40	1,8	5
6	Giải quyết vấn đề	13,3	26,7	10	50	2,0	4

Bảng 4. Mức độ phát triển NLS của HSTH theo đánh giá của HS

TT	Thành tố NLS	Mức độ (%)				TBC	Thứ bậc
		4	3	2	1		
1	Vận hành thiết bị kỹ thuật số và công cụ số	23,3	20	30	26,7	2,4	1
2	Tìm kiếm, xử lý và lưu trữ thông tin và dữ liệu số	10	24,3	55,7	10	2,3	2
3	Giao tiếp và hợp tác số	15,7	19	24,3	41	2,1	3
4	Sáng tạo sản phẩm số	6,7	10	20	63,3	1,6	6
5	An toàn kỹ thuật số	5,2	12,6	30	52,2	1,7	5
6	Giải quyết vấn đề	13,3	24	10	52,7	2,0	4

Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy, mức độ phát triển NLS của HS hầu hết ở mức 1 (chưa thực hiện được) và mức 2 (thực hiện được nhưng chưa thành thạo), trong đó, NL “Vận hành thiết bị kỹ thuật số và công cụ số” cao nhất (2,4) ở đánh giá của GV và của HS. NL “Sáng tạo sản phẩm số” đạt mức điểm thấp nhất (1,6) ở đánh giá của GV và của HS. Đánh giá chung cho thấy, HSTH thực hiện được việc vận hành thiết bị, công cụ số; tìm kiếm, xử lý thông tin; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề nhưng chưa thành thạo. NL tạo lập nội dung số và an toàn kỹ thuật số HS chưa thực hiện được. Điều này cho thấy HS tiểu học đã sử dụng thiết bị và công cụ số cho học tập và cuộc sống nhưng chưa có khả năng sáng tạo các nội dung số và việc sử dụng thiết bị và công cụ số chưa đảm bảo tính an toàn về thể

chất và tinh thần cho các em. Từ thực trạng NLS của HSTH trên địa bàn tỉnh Nghệ An, nhóm nghiên cứu đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao NLS cho HSTH trong bối cảnh chuyển số giáo dục hiện nay.

2.3. Một số biện pháp giáo dục công dân số cho HSTH

2.3.1. Thiết kế và tổ chức bài học tích hợp nội dung giáo dục công dân số cho HS thông qua các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

a. Mục đích

Mục đích biện pháp này nhằm giáo dục CDS cho HS thông qua việc tích hợp các nội dung giáo dục CDS vào các chủ đề/bài học của các môn học/hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học. Bài dạy sẽ được thiết kế làm sao vừa truyền tải được nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ đề/bài học đồng thời cũng thực hiện được nhiệm vụ giáo dục CDS cho HS, đặc biệt chú trọng vào các thành phần NLS còn hạn chế của HSTH.

b. Nội dung và cách thực hiện

Các nội dung giáo dục CDS có thể được tích hợp trong các môn học có thể như: Sử dụng bảng tính điện tử để tính toán, phần mềm vẽ biểu đồ trong môn Toán; Tìm kiếm thông tin về các chủ đề, xây dựng bài thuyết trình trong môn Khoa học, Lịch sử địa lý; Viết email, status, tạo blog chia sẻ bài viết, câu chuyện trong môn Tiếng Việt; Thiết kế video, fanpage, postcard, infographic tuyên truyền, chia sẻ cộng đồng trong môn Đạo đức, Khoa học, Lịch sử - Địa lý, Hoạt động trải nghiệm; Giao tiếp mạng xã hội và ứng phó trước các nguy cơ không an toàn từ không gian mạng trong Hoạt động trải nghiệm ... Quy trình thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học tích hợp giáo dục CDS cho HS tiểu học được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1: Lập kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục CDS trong môn học/hoạt động trải nghiệm

- Xác định mục tiêu tích hợp giáo dục NLS, trọng tâm hướng vào thành phần NLS còn hạn chế cần rèn luyện cho HSTH.

- Xác định bài học/chủ đề của môn học/hoạt động trải nghiệm cần tích hợp giáo dục NLS.

- Dự kiến các điều kiện về cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học và các hoạt động được tổ chức trong bài học/chủ đề.

- Xác định các nội dung, hoạt động giáo dục CDS cụ thể được tích hợp trong bài học/chủ đề, ví dụ: Tìm hiểu và thiết kế powpoint thuyết trình về chủ đề “Biển đảo Việt Nam” (Lịch sử địa lý 5), chủ đề “Nấm, vi khuẩn” (Khoa học 4); Thiết kế video tuyên truyền trong bài học “Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên”(Hoạt động trải nghiệm 5); Thiết kế infographic tuyên truyền trong bài học “Phòng tránh bị xâm hại” (Môn Khoa học 5), chủ đề “An toàn thực phẩm” (Khoa học 4); Thiết kế fanpage về chủ đề “Đất nước, con người Việt Nam” (Lịch sử địa lý 5); Giáo dục giao tiếp và ứng xử trong môi trường số (Hoạt động trải nghiệm 5)...

- Lập kế hoạch bài dạy cụ thể tích hợp giáo dục

CDS với phương pháp khoa học và phù hợp với trình độ nhận thức của HS.

Kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục CDS cần bám sát công văn 2345 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học [16]. Các nội dung giáo dục CDS có thể được tích hợp vào các hoạt động cụ thể trong bài học: Hình thành kiến thức mới; Luyện tập, thực hành; Vận dụng và cần đảm bảo yêu cầu về thời lượng chương trình, không quá tải đối với HS.

Bước 2: Triển khai hoạt động dạy học tích hợp giáo dục NLS

- GV giới thiệu chủ đề/bài học và yêu cầu cần đạt, lưu ý những yêu cầu về NLS cho HS.

- GV tổ chức các hoạt động học tập theo kế hoạch đã thiết kế trong đó chú ý phát huy vai trò chủ thể của HS với các phương pháp dạy học phù hợp, khoa học. Với các hoạt động tích hợp giáo dục NLS, giáo viên cần hướng dẫn một cách rõ ràng, đặc biệt với các hoạt động thực hiện tạo sản phẩm nội dung số.

- GV hướng dẫn và hỗ trợ nếu HS gặp những khó khăn trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Bước 3: Tổng kết bài học

- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả mình đã đạt được sau bài học.

- GV nhận xét và đánh giá quá trình tham gia bài học của HS.

- GV kết luận những kiến thức của bài học, trong đó lưu ý nội dung giáo dục CDS mà HS đạt được trong bài học.

Bước 4: Đánh giá và điều chỉnh

- GV tổ chức đánh giá để xem xét sự tiến bộ của HS và hiệu quả của bài học. Xác định các vấn đề mà HS gặp khó khăn và cần hỗ trợ thêm.

- Thu thập phản hồi từ HS về bài học để cải thiện và điều chỉnh cho các bài học tiếp theo.

Tích hợp giáo dục CDS vào các môn học/hoạt động trải nghiệm là một giải pháp hiệu quả để giúp HSTH hình thành và phát triển các thành phần NLS cần thiết trong học tập, cuộc sống và tương lai. Bằng cách thiết kế và tổ chức bài học khoa học, hợp lý GV có thể thực hiện được mục tiêu kép, vừa giúp HS tiếp thu bài học một cách đầy đủ, hiệu quả đồng thời phát triển NLS cho HS một cách toàn diện. Biện pháp này tập trung hướng đến phát triển các thành phần của NLS như: NL xử lý thông tin và dữ liệu; NL giao tiếp và hợp tác; NL tạo lập nội dung số; NL an toàn không gian số.

2.3.2. Vận dụng mô hình dạy học kết hợp tăng cường rèn luyện năng lực số cho HSTH

a. Mục đích

Biện pháp này nhằm hỗ trợ GV trong việc vận dụng mô hình dạy học kết hợp giúp HS rèn luyện NLS thông qua việc sử dụng các phương tiện kỹ

thuật số và công cụ số để tìm hiểu, nghiên cứu bài học trước khi lên lớp, đồng thời khuyến khích HS tính tự giác, tích cực và trách nhiệm trong học tập.

b. Nội dung và cách thức thực hiện

GV tổ chức dạy học và hoạt động trải nghiệm thông qua việc sử dụng mô hình dạy học kết hợp giữa lớp học truyền thống với các hoạt động học tập trực tuyến, trong đó GV giao HS các nhiệm vụ học tập ở nhà (tìm kiếm, thu thập thông tin, xem bài giảng điện tử, nghiên cứu các câu hỏi, ...) thông qua các công cụ số (Google Classroom, Microsoft Teams, Zoom, Class Dojo...) với sự hỗ trợ của phương tiện kỹ thuật số (máy tính, điện thoại, ...) kết hợp tổ chức HS thực hiện các nhiệm vụ học tập trên lớp theo hướng tăng cường hoạt động thảo luận, thực hành, vận dụng những kiến thức đã tìm hiểu ở nhà vào tình huống thực tiễn.

Quy trình các bước thực hiện mô hình dạy học kết hợp như sau:

Bước 1 : Xác định chủ đề/bài học có thể vận dụng mô hình lớp học đảo ngược.

Bước 2 : Phân tích yêu cầu cần đạt của chủ đề/bài học, đặc điểm của HS và dự kiến các hoạt động học tập ở nhà và trên lớp học.

Bước 3 : Thiết kế kế hoạch dạy học theo định hướng vận dụng mô hình dạy học kết hợp. Cấu trúc kế hoạch dạy học có thể được mô tả như sau:

i. Kế hoạch bài học ở nhà

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
- GV hướng dẫn HS tìm hiểu tài liệu học tập ở nhà như: xem video, bài giảng elearning, đọc tài liệu,... thông qua các công cụ trực tuyến	- HS tìm hiểu các nội dung học tập liên quan đến bài học thông qua sự hướng dẫn của GV.
- GV hướng dẫn HS thực hiện một số nhiệm vụ học tập ở nhà: sưu tầm tư liệu, trả lời các câu hỏi, chuẩn bị nội dung báo cáo, thảo luận... Các nhiệm vụ được hướng dẫn chi tiết về cách hoàn thành và thời gian nộp bài.	- HS hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao từ giao viên.
- GV sử dụng các công cụ trực tuyến để tương tác, hỗ trợ HS trong quá trình học tập ở nhà	- HS tham gia các hoạt động tương tác với giáo viên và bạn cùng lớp thông qua các hoạt động trực tuyến

ii. Kế hoạch bài học trên lớp

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
- GV tổ chức hoạt động khởi động tạo sự hứng thú cho HS bắt đầu vào bài học	- HS tham gia hoạt động khởi động
- GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà liên quan đến nội dung bài học	- HS chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà
- GV tổ chức hoạt động thảo luận với những nội dung HS đang còn băn khoăn, cần giải đáp.	- HS tham gia thảo luận với GV và HS khác
- GV tổ chức các hoạt động thực hành, luyện tập rèn luyện kỹ năng cho HS	- HS tham gia hoạt động thực hành
- GV tổ chức HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng và các tình huống thực tiễn	- HS tham gia hoạt động vận dụng
- GV tổng kết nội dung bài học	- HS lắng nghe và lĩnh hội

iii. Kế hoạch sau giờ học trên lớp

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV hướng dẫn HS tiếp tục thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ ở nhà hoàn thiện kiến thức, kỹ năng đã hình thành ở lớp học - GV hỗ trợ thêm cho HS thông qua các công cụ trực tuyến	- HS thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn - HS tự đánh giá bản thân trong quá trình học tập, xác định những khó khăn của bản thân để được GV hỗ trợ.

Bước 4: Tổ chức thực hiện kế hoạch bài học/ chủ đề

GV tổ chức HS thực hiện các hoạt động học tập theo kế hoạch đã được thiết kế, hướng dẫn, hỗ trợ HS nếu gặp khó khăn trong quá trình học tập. Với những hoạt động thực hiện ở nhà, có thể cần sự hỗ trợ của phụ huynh để quá trình học tập của HS có chất lượng.

Bước 5: Đánh giá tổng kết

- GV đánh giá sự tiến bộ trong quá trình học tập của HS và hiệu quả của bài học. Xác định các vấn đề mà HS gặp khó khăn và cần hỗ trợ thêm.

- Thu thập phản hồi từ HS về bài học để cải thiện và điều chỉnh cho các bài học tiếp theo.

Mô hình dạy học kết hợp là một mô hình dạy học mới giúp nâng cao khả năng tự học, tự tìm tòi của HS, thể hiện quan điểm lấy người học làm trung tâm của quá trình dạy học, bên cạnh đó đây cũng là hình thức dạy học có sự kết hợp giữa học tập trực tuyến và trực tiếp nên có lợi thế trong quá trình rèn luyện NLS cho HSTH. Biện pháp này nhằm hướng đến phát triển các thành phần của NLS như: NL vận hành các thiết bị kỹ thuật số; NL xử lý thông tin và dữ liệu; NL giải quyết vấn đề.

2.3.3. Sử dụng nền tảng số trong đánh giá kết quả học tập nâng cao năng lực số cho HSTH

a. Mục đích

Mục đích của biện pháp nhằm hỗ trợ GV trong việc sử dụng các nền tảng số (Google Forms, Kahoot, Quizizz, Schoology ...) để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, qua đó nâng cao NLS cho HS tiểu học.

b. Nội dung và cách thức thực hiện

Nội dung biện pháp này nhằm xây dựng quy trình các bước trong đánh giá kết quả học tập của HS thông qua các nền tảng số. Ở đây, việc đánh giá không chỉ là các hoạt động đánh giá thông qua lời nói (vấn đáp) hay thông qua viết trên giấy truyền thống mà còn kết hợp với đánh giá trực tuyến với sự hỗ trợ các nền tảng số tạo sự hứng thú và là điều kiện để phát triển NLS cho HS.

Quy trình đánh giá kết quả học tập của HSTH học thông qua nền tảng số được thực hiện như sau:

Bước 1: Xác định yêu cầu cần đạt, đối tượng và hình thức đánh giá

- Xác định yêu cầu cần đạt của bài đánh giá: Căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chủ đề/bài học để xác định mục đích cho bài đánh giá.

- Xác định đối tượng đánh giá: Việc xác định đối

tượng đánh giá giúp GV xây dựng bài kiểm tra phù hợp với trình độ nhận thức của HS tiểu học.

- Xác định hình thức đánh giá: Hình thức đánh giá là thường xuyên hay đánh giá định kỳ, tuy nhiên bước đầu sử dụng nền tảng số thì chủ yếu là đánh giá thường xuyên trong quá trình học tập của HS.

Bước 2: Xây dựng ma trận bài đánh giá

- Xác định cấu trúc của bài đánh giá: Xác định nội dung cần đánh giá; Xác định các mức độ đánh giá: Nhận biết, thông hiểu và vận dụng; Xác định loại hình đánh giá: Tự luận hay TNKQ hoặc cả hai; Xác định số lượng câu hỏi và số điểm cho các nội dung và mức độ đánh giá.

- Xây dựng ma trận bài đánh giá: Xây dựng bảng ma trận bài đánh giá trong đó hàng dọc là nội dung và yêu cầu cần đạt bài đánh giá, hàng ngang là mức độ và loại hình đánh giá.

- Thiết kế câu hỏi và thang điểm đánh giá: Căn cứ vào ma trận bài đánh giá để thiết kế câu hỏi và thang điểm phù hợp với nội dung và mức độ đánh giá.

Bước 3: Thiết lập bài đánh giá trên nền tảng số

- Lựa chọn nền tảng số để xây dựng bài đánh giá: Căn cứ vào nội dung bài đánh giá và trình độ của GV để lựa chọn nền tảng số phù hợp cho bài đánh giá

- Thiết lập câu hỏi hoặc câu hỏi kèm đáp án (nếu là TNKQ) trên nền tảng số, cách thức thiết lập tùy thuộc vào mỗi nền tảng số khác nhau.

- Thiết lập các yếu tố khác cho bài đánh giá trên nền tảng số: thời gian, số lượng người tham gia, cách hiển thị...

- Thực hiện bài đánh giá thử trên nền tảng số và điều chỉnh bài đánh giá nếu cần thiết.

Bước 4: Tổ chức HS thực hiện bài đánh giá trên nền tảng số

- GV giới thiệu HS về mục tiêu, yêu cầu của bài đánh giá.

- GV hướng dẫn HS truy cập và thiết lập tài khoản trên nền tảng số, lưu ý HS ghi nhớ tài khoản để sử dụng cho những lần đánh giá sau.

- GV hướng dẫn HS cách thức thực hiện bài đánh giá trên nền tảng số.

- GV tổ chức HS thực hiện bài đánh giá trên nền tảng số (có thể cần sự phối hợp của phụ huynh nếu thực hiện ở nhà).

Bước 5: Phản hồi và điều chỉnh bài đánh giá trên nền tảng số

- GV nhận xét kết quả thực hiện bài đánh giá của HS, lưu ý HS những lỗi thường gặp trong bài đánh giá.

- GV điều chỉnh bài đánh giá về nội dung và mức độ câu hỏi để phù hợp hơn với năng lực, trình độ của HS.

Sử dụng nền tảng số là một cách thức đổi mới trong đánh giá kết quả học tập của HS, giúp HS cảm thấy hứng thú và tạo động lực trong học tập, đồng thời các em có điều kiện nâng cao NLS cho

bản thân. Biện pháp này nhằm hướng đến phát triển các thành phần của NLS như: NL vận hành các thiết bị kỹ thuật số; NL xử lý thông tin và dữ liệu; NL giải quyết vấn đề.

Các biện pháp được đề xuất là những hướng đi mới nhằm nâng cao NLS cho HS tiểu học trong bối cảnh giáo dục số hiện nay. Tuy nhiên, do thời gian có hạn nên nhóm nghiên cứu dự kiến sẽ có những thử nghiệm và đánh giá với các biện pháp được đề xuất trong những nghiên cứu tiếp theo.

3. Kết luận

Cùng với quá trình chuyển đổi số và đổi mới giáo dục phổ thông đã đặt ra những yêu cầu cấp thiết về NLS đối với HS phổ thông. Thực tế cho thấy NLS của HSTH còn khá thấp do đó việc giáo dục CDS cho HS nói chung và HSTH nói riêng là điều hết sức cần thiết nhằm giúp các em nâng cao khả năng học tập, phát huy tư duy độc lập, sáng tạo, thích ứng với môi trường giáo dục số và sự phát triển của xã hội số hiện nay. Giáo dục CDS có thể được thực hiện thông qua hoạt động trải nghiệm giáo dục CDS; tích hợp giáo dục CDS vào chủ đề, bài học của các môn học; vận dụng mô hình dạy học kết hợp trong dạy học và giáo dục; sử dụng nền tảng số đánh giá kết quả học tập nhằm nâng cao NLS cho HSTH. Những thử nghiệm và đánh giá về tính hiệu quả và khả thi của các biện pháp giáo dục CDS được đề xuất sẽ là hướng nghiên cứu tiếp theo của nhóm tác giả ■

Tài liệu tham khảo

[1]. T. J. B. Blayone, O. Mykhailenko, M. Kavtaradze,

- M. Kokhan, R. vanOostveen, and W. Barber (2018). *Profiling the digital readiness of higher education students for transformative online learning in the post-soviet nations of Georgia and Ukraine*. Int. J. Educ. Technol. High. Educ., vol. 15, no. 1.
- [2]. Council of the European Union (2018). *Recommendation on key competences for lifelong learning*, Off. J. Eur. Union, [Online]. Available: <https://cutt.ly/MKKtVUN>
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học*. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018.
- [5]. A. Ferrari (2013). *Digital Competence in Practice: An Analysis of Frameworks*. Jt. Res. Cent. Eur. Comm., p. 91.
- [6]. Kirsti Ala-Mutka (2011). *Mapping Digital Competence: Author: Kirsti Ala-Mutka*. JRC Eur. Comm., no. January 2011, pp. 1 - 60.
- [7]. N. T. Hường, P. M. Hùng, N. N. An, N. T. Q. Anh, N. T. Nhân, and N. T. Kiên (2022). *Giáo dục học*. Nghệ An: Nxb. Đại học Vinh.
- [8]. P. V. V. Trần Thị Tuyết Oanh, Phạm Khắc Chương, Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Minh Hiền, Bùi Văn Quân, Phan Hồng Vinh, Từ Đức Văn (2016). *Giáo trình Giáo dục học tập 1.pdf*. Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm.
- [9]. S. Wulandari and N. D. Fajrin. *Applying Digital Literacy Learning*. no. 5.
- [10]. D. R. Wulandari and M. Sholeh (2021). *Efektivitas Layanan Literasi Digital Untuk Meningkatkan Minat Baca Siswa Di Masa Pandemi Covid-19*. J. Inspirasi Manaj. Pendidik., vol. 9, no. 2, pp. 327 - 335, 2021, [Online]. Available: <https://ejournal.unesa.ac.id/index.php/inspirasi-manajemen-pendidikan/article/view/39155>.

Digital civics education for primary school students in Nghe An province in the context of general education innovation

Đào Thị Tra Giang - Nguyễn Thị Thuyen - Nguyễn Khanh Huyền - Nguyễn Nhật Minh - Mai Trần Khanh Linh

School of Education, Vinh University

Email: kiennt@vinhuni.edu.vn.

Abstract: In the context of modern education, digital literacy has become an essential element for students' lives and learning. Digital competence not only improves learning ability through the use of online tools and digital resources but also fosters creativity and problem-solving skills by providing diverse methods and solutions, thereby enhancing continuous learning and maintaining relevance with modern technological trends. This article assesses the current state of digital literacy and propose some measures to educate primary school students in digital literacy, ensuring that they are equipped with sufficient knowledge and skills to succeed in the increasingly developing digital society and meet the requirements of the current innovation in general education.

Keywords: Digital competence, digital competence education, primary school students, general education innovation.